TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST
Ngày: 15-02-2022

V/v tranh chấp
hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Hồng Phượng;

Bà Đào Đắc Cẩm Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng: Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 08/2022/QĐST-DS ngày 17/01/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm V N, sinh năm 1994.

Là người đại diện của Hộ kinh doanh T.

Địa chỉ: xã G, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương G A, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: xã G, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn H P (vắng mặt);

2. Ông Nguyễn V T (T2) (vắng mặt);

3. Bà Nguyễn Thị K K (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: xã G, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 02 năm 2021 và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của nguyên đơn là bà Dương G A trình bày:

Vào năm 2018, ông Nguyễn H P cùng Hộ kinh doanh T có thỏa thuận mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản nhằm mục đích để ông P nuôi tôm. Thời điểm này ông Nguyễn Văn Thừa đang là đại diện theo pháp luật của Hộ kinh doanh T nhưng hiện nay đã được thay đổi sang người đại diện pháp luật mới là ông Phạm V N. Vì vậy ông N có quyền tiếp tục xử lý các công nợ, vấn đề liên quan của Hộ kinh doanh T.

Theo thỏa thuận ông N bán cho ông P các sản phẩm như: Thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa, thuốc và hóa chất cho nuôi trồng thủy sản. Quá trình giao nhận hàng hóa thì hai bên sẽ ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của mỗi bên. Cụ thể: Ông N giao hàng cho ông P tại kho hàng của Hộ kinh doanh T theo đơn hàng hoặc hỗ trợ vận chuyển hàng hóa đến địa điểm của ông P nếu có thỏa thuận. Khi nhận hàng thì bên ông P phải kiểm tra hàng và ký xác nhận việc giao nhận hàng cho ông N. Kể từ thời gian hàng hóa đã bàn giao xong cho ông P và hai bên đã ký xác nhận việc giao nhận hàng thì ông N không chịu trách nhiệm nữa.

Về phương thức thanh toán: Ông P phải có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho ông N khi thu hoạch tôm, việc ông P nuôi tôm bị thất thu (tôm chết trước thời hạn thu hoạch) không đương nhiên làm mất nghĩa vụ thanh toán. Trong trường hợp ông P không thanh toán hết phần công nợ cho ông N vào cuối vụ tôm, ông N có quyền cắt hàng, đơn phương chấm dứt Hợp đồng và yêu cầu ông P phải thanh toán toàn bộ tiền hàng còn thiếu đến thời điểm ngừng giao dịch.

Tuy nhiên, ông P đã không thực hiện đúng theo thỏa thuận ban đầu là thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho ông N sau khi thu hoạch tôm. Căn cứ theo Bảng đối chiếu xác nhận công nợ tháng 10/2018, ông P xác nhận còn nợ ông N số tiền 99.834.000 đồng. Theo đơn đề nghị bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2021 thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông P, ông T và bà K cùng có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nhưng nay nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông T và bà K, không yêu cầu ông T và bà K trả số nợ cho ông N.

Nay ông Phạm V N là đại diện Hộ kinh doanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P trả cho ông Phạm V N là đại diện Hộ kinh doanh T số tiền nợ gốc là 99.834.000 đồng và tiền lãi chậm trả 10%/năm từ ngày 03/10/2018 đến ngày 19/02/2021.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn H P, ông Nguyễn V T, bà Nguyễn Thị K K: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn H P, ông Nguyễn V T, bà Nguyễn Thị K K vắng mặt và không thể hiện ý kiến bằng văn bản cho Toà án.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đại diện nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Còn đối với bị đơn ông Nguyễn H P, ông Nguyễn V T, bà Nguyễn Thị K

K chưa chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải.

Bị đơn ông Nguyễn H P, ông Nguyễn V T, bà Nguyễn Thị K K đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng ông P, ông T, bà K vắng mặt, không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn H P, ông Nguyễn V T, bà Nguyễn Thị K K.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Nguyễn H P có nghĩa vụ trả cho ông Phạm V N là đại diện Hộ kinh doanh T số tiền nợ gốc là 99.834.000 đồng và nợ lãi với lãi suất 10%/năm từ ngày đối chiếu công nợ là ngày 03/10/2018 đến ngày nộp đơn khởi kiện là ngày 19/02/2021. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Nguyễn V T và bà Nguyễn Thị K K và đề nghị tuyên trách nhiệm chịu án phí sơ thẩm và tiền lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt các bị đơn: Ông Nguyễn H P, ông Nguyễn V T, bà Nguyễn Thị K K đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông P, ông T, bà K vắng mặt, không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn H P, ông Nguyễn V T, bà Nguyễn Thị K K.

[2] Về quyền khởi kiện:

Căn cứ vào Văn bản thỏa thuận do ông Nguyễn V T và ông Phạm V N lập ngày 10/7/2020 thì văn bản này có nội dung: Chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn V T từ hoạt động kinh doanh của Hộ kinh doanh T giai đoạn ông Nguyễn V T làm đại diện cho ông Phạm V N. Thỏa thuận này đã được chứng thực đúng quy định của pháp luật tại Văn phòng công chứng Trần Văn Năm, Phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng kinh doanh do Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Mỹ Xuyên cấp cho Hộ kinh doanh T. Hội đồng xét xử khẳng định ông Phạm V N là đại diện Hộ kinh doanh T được toàn quyền thay ông Nguyễn V T đòi và thu hồi các khoản nợ trước đây của Hộ kinh doanh T. Vì vậy, trong vụ án này nguyên đơn Phạm V N được quyền khởi kiện yêu cầu bị đơn ông P thanh toán khoản tiền còn nợ của Hộ kinh doanh T phát sinh trong giai đoạn ông Nguyễn V T làm chủ hộ đăng ký kinh doanh.

[3] Về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện:

Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông Nguyễn V T và bà Nguyễn Thị K K về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Nguyễn V T và bà Nguyễn Thị K K theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Phạm V N là đại diện Hộ kinh doanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Nguyễn H P trả số tiền nợ mua bán mua thức ăn và thuốc thủy sản cho ông N gốc là 99.834.000 đồng đồng và tiền lãi tính từ ngày 03/10/2018 (là ngày đối chiếu công nợ) cho đến ngày nộp đơn khởi kiện là ngày 19/02/2021 với lãi suất 10%/năm.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ gốc:

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Nguyễn H P trả số tiền nợ gốc là 99.834.000 đồng. Nguyên đơn đã cung cấp cho Toà án Bảng đối chiếu công nợ tháng 10/2018 có số nợ tồn cuối kỳ là 99.834.000 đồng, khách hàng ông Nguyễn H P đã ký tên xác nhận. Ngoài ra trong quá trình mua bán ông P cũng có ký tên trong sổ ghi chép do phía ông N theo dõi việc mua bán và Hợp đồng mua bán ngày 30/6/2018.

Xét thấy ông Nguyễn H P đã được Toà án cấp tống đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng của Toà án nhưng không có ý kiến phản đối và vắng mặt trong suốt quá trình xét xử vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì lời trình bày của đại diện nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ như Bảng đối chiếu công nợ tháng 10/2018, sổ ghi chép việc mua bán là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, có đủ căn cứ xác định ông Nguyễn H P còn nợ ông Phạm V N, là đại diện hộ kinh doanh T số tiền nợ gốc là 99.834.000 đồng.

Ông Phạm V N đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao tài sản là thức ăn chăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho bên mua là ông P. Ông P đã nhận đủ tài sản do ông N chuyển giao nêu trên để phục vụ việc nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình nhưng ông P chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông N theo thỏa thuận và ông P còn nợ của ông N số tiền là 99.834.000 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự. Do đó, ông Phạm V N yêu cầu ông P trả số tiền nợ 99.834.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về yêu cầu trả lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Nguyễn H P trả lãi theo lãi suất 10%/năm đối với số tiền nợ gốc 99.834.000 đồng từ ngày 03/10/2018 (là ngày đối chiếu công nợ) cho đến ngày nộp đơn khởi kiện là ngày 19/02/2021.

Việc mua bán hàng hoá giữa ông Phạm V N là người đại diện Hộ kinh doanh T và ông Nguyễn H P các bên không thoả thuận lãi nhưng nay ông Phạm V N yêu cầu trả lãi đối với số tiền chậm trả thì lãi suất được tính theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, là 10%/năm. Nguyên đơn yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày đối chiếu công nợ là ngày 03/10/2018 đến ngày 19/02/2021 là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền lãi được tính từ ngày 03/10/2018 đến ngày 19/02/2021 là 02 năm 04 tháng 16 ngày nhưng đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi 02 năm 04 tháng, tiền lãi được tính cụ thể như sau: 99.834.000 đồng x 10%/năm x 03 năm 04 tháng = 23.294.600 đồng.

Như vậy, bị đơn ông Nguyễn H P phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và tiền lãi cho nguyên đơn với tổng số tiền là 123.128.600 đồng, trong đó nợ gốc là 99.834.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 03/10/2018 đến ngày 19/02/2021 là 23.294.600 đồng.

[7] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn, ông Phạm V N được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Nguyễn H P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm V N là người đại diện Hộ kinh doanh T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn H P phải có nghĩa vụ trả cho Phạm V N là người đại diện Hộ kinh doanh T tổng số tiền là 123.128.600 (một trăm hai mươi ba triệu một trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm) đồng, (trong đó nợ gốc là 99.834.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 03/10/2018 đến ngày 19/02/2021 là 23.294.600 đồng).

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Nguyễn V T và bà Nguyễn Thị K K.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Phạm V N là đại diện Hộ kinh doanh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.077.383 đồng (ba triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi ba đồng) theo biên lai thu số 0009236 ngày 01/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn ông Nguyễn H P phải nộp án phí dân sự là 6.156.430 (sáu triệu một trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

7. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự, đại diện ĐS;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mến